

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HS-ST
Ngày 20-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoàn và bà Lương Thanh Kỳ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2022/HSST ngày 24-02-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HS ngày 24-3-2022; Thông báo số 81/2022/TB-TA ngày 08-4-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/HSST-QĐ ngày 08-4-2022, đối với bị cáo:

Lê Ngọc C, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp Chợ, xã Phú Túc, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Liêm (đã chết) và bà Ngô Thị Đeo, sinh năm 1970; có vợ Nguyễn Hồng Hạ N, sinh năm 1999; có 01 người con sinh năm 2020;

Tiền án: Có 01 tiền án, năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 109/2013/HSST ngày 22-8-2013, chấp hành xong hình phạt ngày 27-4-2019;

Nhân thân: Năm 2009, bị Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định áp dụng biện pháp “Đưa vào cơ sở chữa bệnh”, thời hạn 24 tháng để cai nghiện ma túy, chấp hành xong ngày 12-7-2012.

Bị bắt quả tang ngày 07-01-2021, tạm giữ từ ngày 08-01-2021, tạm giam từ ngày 14-01-2021 cho đến nay, (Có mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 1, xã Túc Trung, huyện Đ, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

2. Anh Trần Đức H, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp Dốc Mơ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Trúc N, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp Bến Nôm 1, xã Phú Cường, huyện Đ, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

4. Chị Trần Thị Thúy D, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Ấp Bến Nôm 1, xã Phú Cường, huyện Đ, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Hồng Hạ N, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Ấp Cây Xăng, xã Phú Túc, huyện Đ, tỉnh Đ, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc C là đối tượng nghiện ma túy và có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Vào khoảng 20 giờ ngày 06-01-2021, Lê Ngọc C điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở bạn là Nguyễn Đức D đi tìm vợ là Nguyễn Hồng Hạ N tại khu vực xã Phú Cường, huyện Đ, tỉnh Đ. Trong lúc C và D đang đi tìm vợ của C, thì D có đưa cho C 100.000 đồng để góp mua đồ mang về nhà C nhậu tiếp (do trước đó D đang đi nhậu), C đồng ý cầm tiền và tiếp tục đi tìm vợ. Trong lúc này, Trần Đức H, sinh năm 1986 là bạn chung của C và D gọi điện cho D rủ nhậu, nghe vậy nên C nói với D là nhờ H đi đón thêm bạn là Nguyễn Thị Trúc N, sinh năm 1993 và Trần Thị Thúy D, sinh năm 2000 đến nhà của C ở ấp Suối Zui, xã Túc Trung để trông con cho C, rồi C và D về nhậu sau.

Sau khi đi tìm không thấy chị Nhi, C và D đi mua đồ nhậu để mang về nhà C nhậu, lúc này do có nhu cầu sử dụng ma túy nên C điều khiển xe mô tô đến khu vực nhà thờ Bạch Lâm, thuộc huyện Thống Nhất, tỉnh Đ gặp một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) tên thường gọi là “Tý” hỏi mua 500.000 đồng ma túy, “Tý” đồng ý và bán cho C 01 bịch ma túy đá và 01 viên thuốc lắc. Số ma túy trên là do C tự ý mua để sử dụng riêng chứ không có bàn bạc gì với D. Sau khi về đến nhà, C, D, H và N bày đồ ra để nhậu cùng nhau, đến khoảng 03 giờ 30 phút sáng ngày 07-01-2021 trong lúc nhậu, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên C đã tự ý lấy số ma túy đã mua trước đó bỏ ra đĩa chõ nhậu, bật loa, mở đèn để sử dụng ma túy. Thấy vậy, các bạn của C là D, H và N đã cùng sử dụng, riêng Diệu không sử dụng. Các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy đến khoảng 03 giờ 30 phút, sáng ngày 07-01-2021 thì bị bắt quả tang, thu giữ các tang vật sau đây:

- 01 Bịch nylon được hàn kín hai đầu, bên trong chứa tinh thể màu trắng thu giữ trên đĩa sứ màu trắng gần chỗ Lê Ngọc C, C khai nhận là ma túy, được niêm phong ký hiệu là M1.

- 01 Đĩa sứ màu trắng đựng các cục bột nén màu xanh để gần chỗ Lê Ngọc C, C khai nhận là thuốc lắc, ký hiệu là M2.

- 01 Bộ loa vi tính, 01 đèn chớp màu.

- 01 Súng tự chế, 02 kiếm kim loại dài khoảng 60-70cm.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 58/KLGD-PC09 ngày 12-01-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ xác định:

Tinh thể màu trắng chứa trong mẫu M1 được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng là 0,47607gam, loại Ketamine (mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,45568 gam được niêm phong).

Mẫu chất bột màu xanh dạng cục chứa trong mẫu M2 được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng là: 0,20408gam, loại MDMA (mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,17882 gam được niêm phong).

Tại Bản Cáo trạng số: 39/CT-VKSĐQ ngày 04 tháng 5 năm 2021; Công văn số 149/CV-VKS ngày 05-11-2021 và tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, truy tố bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, c, i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), với những lý do như sau:

Bị cáo C chỉ có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, không có một trong các hành vi tổ chức cho người khác sử dụng ma túy, việc các đối tượng nghiện sử dụng ma túy tại nhà bị cáo, bị cáo không biết. Ngoài ra, Viện kiểm sát còn căn cứ vào điểm a Mục 6.2 Phần II Thông tư liên tịch số 17/2017 để cho rằng bị cáo C là người nghiện ma túy cho người nghiện ma túy khác sử dụng ma túy nên không cấu thành tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy mà cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Trên cơ sở đó, đại diện Viện kiểm sát giữ N quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng các điểm a, c, i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Ngọc C mức án từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo cho rằng bản thân mua ma túy về để sử dụng, không có ý định để cho người khác sử dụng, việc bị cáo bật nhạc và mở đèn chớp cũng là một mình bị cáo thực hiện để thỏa mãn sở thích của cá nhân sau khi sử dụng ma túy. Các bạn của bị cáo là D, H, N thấy ma túy để trên đĩa nên tự ý sử dụng, bị cáo không rủ rê, lôi kéo người khác sử dụng ma túy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác

định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, nhận thấy hành vi của bị cáo cấu thành tội danh nặng hơn tội mà Viện kiểm sát truy tố. Vì vậy, Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để Viện kiểm sát xem xét lại việc truy tố bị cáo về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và thông báo cho bị cáo biết lý do cần xem xét bị cáo về tội danh nêu trên, tuy nhiên Viện kiểm sát giữ N quan điểm. Ngày 24-3-2022, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định ngày 08-4-2022 mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng mặc dù đã được triệu tập H lệ, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa, đồng thời thông báo đính chính Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bổ sung tội danh mà Tòa án đưa ra xét xử đối với bị cáo để đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Cáo trạng cũng như lời khai nhận tội của bị cáo thể hiện: Do có nhu cầu sử dụng ma túy bị cáo C đã điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến khu vực nhà thờ Bạch Lâm thuộc huyện Thống Nhất, tỉnh Đ gặp một đối tượng tên “Tý” (chưa rõ nhân thân lai lịch) để mua ma túy, C mua của người này 500.000 đồng ma túy, được một bịch ma túy và một viên thuốc lắc. C đưa số ma túy nêu trên về nhà, bỏ ra đĩa, bật nhạc, mở đèn chớp để sử dụng một mình. Do C sử dụng không hết nên các đối tượng D, H và N đã tự ý sử dụng phần còn lại. Mô tả diễn biến hành vi của bị cáo như Cáo trạng, cũng như lời khai nhận tội của bị cáo như trên là không phù H với diễn biến khách quan của hành vi phạm tội, không phù H với những lời khai ban đầu của bị cáo cũng như những người làm chứng. Cụ thể:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận quá trình điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo, không bị ép cung, bức cung, mớm cung, dùng nhục hình. Nội dung các lời khai ban đầu của bị cáo C đều thừa nhận hành vi chuẩn bị ma túy, chuẩn bị các công cụ, phương tiện khác như: Loa, đèn chớp, thẻ cứng để sử dụng ma túy cùng với D, H và N.

Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 03 giờ 40 phút, ngày 07-01-2021 (Bút lục số 29-32), C khai: *“Trong quá trình nhậu tôi chuẩn bị loa và đèn chớp của tôi có sẵn và lấy đĩa và thẻ quẹt cứng để cùng sử dụng ma túy cùng các bạn. Khi chúng đang tôi sử dụng ma túy gồm có tôi N, D, H tại nhà tôi thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện....”*.

Tại bản tự khai ngày 07-01-2021 (Bút lục số 66), phần kính gửi có nơi gửi: Công an huyện Đ; công an xã Túc Trưng, C khai: *“Vào lúc 21 giờ ngày 06-01-2021, tôi cùng D đi xuống Gia Kiệm mua một bịch ma túy với giá 300.000 đồng và một viên kẹo với giá 200.000 đồng của một người tên Tý mua về nhà để sử dụng cùng với D, Diệu, Trúc N, H sử dụng tại nhà tôi thuộc ấp Suối Zui, xã*

Túc Trưng đến 03 giờ 30 phút ngày 07-01-2021 trong quá trình đang sử dụng thì bị lực lượng công an... ”.

Tại bản tự khai ngày 07-01-2021 (Bút lục số 67), C khai: *“...Sau khi mua được ma túy tôi mang về nhà tôi tại ấp Suối Zui, xã Túc Trưng cất giấu và trả xe cho bạn sau đó tôi cùng với D, H, N ngồi nhậu (Điều trông con giúp tôi) trong quá trình nhậu tôi chuẩn bị loa và đèn chớp của tôi có sẵn và đi lấy đĩa và thẻ quẹt cứng để sử dụng ma túy cùng các bạn. Khi chúng tôi đang sử dụng ma túy gồm có tôi, N, D, H tại nhà của tôi... ”.*

Tại Biên bản ghi lời khai vào lúc 06 giờ 30 phút, ngày 07-01-2021 (Bút lục số 34), C khai sau khi mua được ma túy thì: *“Trong quá trình sử dụng cùng với D, N, H, sử dụng tại nhà tôi”.*

Tại Biên bản ghi lời khai vào lúc 14 giờ 05 phút, ngày 07-01-2021 (Bút lục số 36), C khai: *“Trong quá trình nhậu, tôi chuẩn bị loa và đèn chớp của tôi có sẵn và đi lấy đĩa, và thẻ quẹt cứng để sử dụng ma túy cùng các bạn”.*

Tại biên bản đối chất ngày 07-01-2021 giữa C và D, C thừa nhận: *“Tại đây, tôi có chuẩn bị loa đèn chớp, đĩa và thẻ quẹt, bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã rồi lấy ma túy ra sử dụng với các bạn, đến 03 giờ 30 phút ngày 07-01-2021 thì bị bắt quả tang” (Bút lục số 56-57).*

Bắt đầu từ ngày 17-01-2021, thì C mới thay đổi lời khai, với nội dung chỉ thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, không thừa nhận hành vi chuẩn bị địa điểm, chuẩn bị ma túy, các công cụ, phương tiện khác để sử dụng ma túy với các đối tượng nghiện khác. Việc thay đổi lời khai của bị cáo là không có căn cứ, không phù H với lời khai ban đầu của những người làm chứng cụ thể:

Trần Đức H là đối tượng nghiện ma túy, đã có tiền án về các tội gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích, có lời khai ban đầu xác định, khi đang ngủ thì thấy D và C đi đâu đó về, mang theo đồ ăn về để nhậu. H cũng khẳng định: *“Quá trình nhậu, thì C có bật nhạc sàn và đèn chớp, sau đó C đi lấy đĩa sứ và thẻ quẹt cứng cùng bộ dụng cụ để sử dụng ma túy. Do C mở nhạc lớn nên tôi tỉnh ngủ.....sau đó tôi lấy một cục bột màu xanh bỏ vào miệng nhai và nuốt (tôi biết là thuốc lắc)... ” (Lời khai của H tại Biên bản lấy lời khai, Bút lục số 42-43).*

Tại bản tự khai ngày 07-01-2021 (Bút lục số 68), Trần Đức H khai: *“Quá trình nhậu thì C có bật nhạc sàn và đèn chớp, sau đó C đi lấy đĩa sứ và thẻ quẹt cứng cùng bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy, do C mở nhạc lớn nên tôi tỉnh ngủ dậy thì thấy trên đĩa sứ trắng có cục bột nén màu xanh và bịch giẻ màu trắng, sau đó tôi lấy một cục nhỏ bỏ vào miệng nhai và nuốt”.*

Tại Biên bản đối chất ngày 07-01-2021, (Bút lục số 54-55), H khai nhận: *“Hơn 22 giờ cùng ngày, D và C đi mua đồ ăn về. Sau đó C và D có bày đồ ra góc hiên nhà để ngồi nhậu, lúc này C có bật nhạc và đèn chớp nháy lên nhậu. Sau đó tôi thấy trên đĩa sứ màu trắng trên bàn có một số phần viên nén màu trắng....tôi có lấy một phần nhỏ bỏ vào miệng cắn, nhai”.*

Các lời khai trên đây của Trần Đức H khẳng định, H biết rõ C là người chuẩn bị ma túy, nhưng lời khai tự mâu thuẫn nhau, cho rằng đang ngủ nhưng lại biết C là người bật nhạc, mở đèn chớp và chuẩn bị các dụng cụ để sử dụng ma túy, điều này cho thấy lời khai của Trần Đức H là không có tính xác thực.

Nguyễn Đức D có lời khai xác định, khi đang nằm võng nghe nhạc thì tỉnh dậy *“thấy trước mặt của C có đĩa sứ trắng chứa ma túy nên tôi sử dụng đến khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 07-01-2021 thì bị công an kiểm tra...”* (Lời khai của D tại Bút lục số 40-41).

Trần Thị Thúy D là đối tượng nghiện ma túy từ năm 2018, khai khi đang ngủ cùng với N tại võng phía ngoài thì: *“Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 07-01-2021 anh C và D có về nhà, bày đồ ra nhậu và cùng sử dụng ma túy chung, chị N cũng là người ngồi vào sử dụng ma túy chung. Lúc này có anh C, D, H, chị N cùng sử dụng ma túy. Đến 03 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng công an vào kiểm tra phát hiện chúng tôi đang sử dụng ma túy”* (Lời khai của Diệu tại Bút lục số 44-45).

Nguyễn Thị Trúc N là đối tượng nghiện ma túy từ năm 2016, khai như sau: *“Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, tôi có ngồi cùng C, D, H sử dụng ma túy, còn Diệu ngồi một mình không sử dụng ma túy cùng chúng tôi. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 07-01-2021 chúng tôi bị lực lượng Công an bắt quả tang...”* (Lời khai của N tại Bút lục số 48-49).

Quá trình giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ viện dẫn quy định tại điểm a Mục 6.2 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24-12-2007, cụ thể là: *“Người nghiện ma túy có chất ma túy (không phân biệt nguồn gốc ma túy do đâu mà có) cho người nghiện ma túy khác chất ma túy để cùng sử dụng trái phép thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mà tùy từng trường hợp có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy hoặc tội sử dụng trái phép chất ma túy”,* để làm căn cứ xác định, hành vi của bị cáo C không đủ yếu tố để cấu thành tội: *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* là không phù H với quy định tại khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Thông tư đã hết hiệu lực), không phù H với các tinh thần hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao (Tại Mục 1, Phần I Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30-6-2020 và Mục 7, Phần I Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02-8-2021), Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Tại Mục 16 Phần I Công văn 5442/VKSTC-V14 ngày 30-11-2020) về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tóm lại, qua lời khai nhận ban đầu của bị cáo, phù H với những lời khai ban đầu của những người làm chứng (là các đối tượng nghiện), xác định được bị cáo C đã có hành vi chuẩn bị các loại ma túy gồm Ketamine, MDMA, bố trí địa điểm là nhà của mình, sử dụng các công cụ, phương tiện khác hỗ trợ, bổ sung cho quá trình sử dụng ma túy như thẻ quẹt cứng (để “xào nấu” Ketamine), đĩa sứ trắng, loa, đèn chớp để sử dụng ma túy cùng với các đối tượng D, H, N. Ketamine, MDMA là các chất ma túy theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày

15-5-2018 của Chính phủ (Ketamine thuộc danh mục số II, số thứ tự 35; MDMA thuộc danh mục số I, số thứ tự 27). Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo C đã đủ các yếu tố cấu thành tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về khung hình phạt: Bị cáo tổ chức cho D, H và N sử dụng ma túy, nên đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, ma túy còn là N nhân của các tội phạm khác. Vì vậy, Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhằm tạo một môi trường sống, học tập, lao động lành mạnh, không có tệ nạn xã hội. Bị cáo nhận thức rõ hiểm họa của ma túy, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, vào năm 2009, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng để cai nghiện ma túy.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra ban đầu, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bản thân bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cha bị cáo chết từ khi bị cáo còn nhỏ, mẹ bị cáo bỏ đi, hiện bị cáo có con nhỏ sinh năm 2020, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Như đã nhận định ở trên, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Một gói niêm phong số 58/KLGD-PC09 ngày 12-01-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ (có khối lượng ma túy còn lại sau giám định) là vật cấm lưu hành nên tiêu hủy; 01 (Một) bộ loa vi tính, 01 (Một) bộ đèn chớp màu là phương tiện phạm tội cần tịch thu, phát mãi nộp Ngân sách nhà nước theo các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (Một) súng tự chế (Theo Kết luận giám định không phải là vũ khí quân dụng), 02 (Hai) kiếm kim loại dài khoảng 60-70cm thu giữ khi bắt quả tang bị cáo, không trực tiếp liên quan đến tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, tuy nhiên là vật cấm tàng trữ, sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã chuyển vật chứng đến Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an huyện Đ để xem xét, xử lý là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (Một) xe mô tô không rõ biển số, bị cáo khai mượn của bạn tên Nhí, hiện chưa rõ nguồn gốc, xuất xứ của tài sản, chưa làm việc được với chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

[11] Các vấn đề khác:

- Đối tượng bán ma túy cho C tên “Tý”, hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, xử lý sau.

- Các đối tượng sử dụng ma túy tại nhà của bị cáo gồm D, H, N không có một trong các hành vi tổ chức hay tàng trữ trái phép chất ma túy, không liên quan đến tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các đối tượng nêu trên đã bị lập biên bản vi phạm hành chính và xem xét lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[12] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Về đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Lời đề nghị của Viện kiểm sát về xác định tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo C là không phù H với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[14] Tại các phiên tòa ngày 20-10-2021, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cho rằng do say xỉn nên không để ý những người xung quanh, không biết các đối tượng D, H, N sử dụng ma túy. Từ đó, bị cáo cho rằng bản thân chỉ phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, không phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Lời khai này của bị cáo mâu thuẫn với lời khai ban đầu của chính bị cáo, mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng, không thể hiện đúng diễn biến khách quan, sự thật của vụ án, nên không có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc C 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2021.

2. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) gói niêm phong số 58/KLGD-PC09 ngày 12-01-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ (sau giám định).

- Tịch thu, phát mãi nộp ngân sách Nhà Nước 01 (Một) bộ loa vi tính, 01 (Một) bộ đèn chớp màu.

(Vật chứng được lưu giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06-5-2021).

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Công an nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Phường

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

